ỦY BAN NHÂN DÂN **XÃ CẦN GIUỘC**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: 1272/QĐ-UBND	*Cần Giuộc, ngày 13 tháng 4 năm 2026*

QUYẾT ĐỊNH
Về việc phê duyệt dự án Cầu Rạch Dừa

ỦY BAN NHÂN DÂN XÃ CẦN GIUỘC

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương số 72/2025/QH15 ngày 16/6/2025 của Quốc hội;

Căn cứ Luật Xây dựng số 50/2014/QH13 đã được sửa đổi, bổ sung một số điều theo Luật số 03/2016/QH14, Luật số 35/2018/QH14, Luật số 40/2019/QH14 và Luật số 62/2020/QH14;

Căn cứ Luật số 90/2025/QH15 của Quốc Hội: Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Đấu thầu, Luật Đầu tư theo phương thức đối tác công, Luật Hải quan, Luật Thuế giá trị gia tăng, Luật Thuế xuất khẩu, Thuế nhập khẩu, Luật Đầu tư, Luật Đầu tư công, Luật Quản lý, sử dụng tài sản công;

Căn cứ Nghị định số 06/2021/NĐ-CP ngày 26/01/2021 của Chính phủ Quy định chi tiết một số nội dung về quản lý chất lượng, thi công xây dựng và bảo trì công trình xây dựng;

Căn cứ Nghị định số 10/2021/NĐ-CP ngày 09/02/2021 của Chính phủ về quản lý chi phí đầu tư xây dựng;

Căn cứ Nghị định số 35/2023/NĐ-CP ngày 20/6/2023 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các nghị định thuộc lĩnh vực quản lý nhà nước của bộ xây dựng;

Căn cứ Nghị định số 175/2024/NĐ-CP ngày 30/12/2024 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật xây dựng về quản lý hoạt động xây dựng;

Căn cứ Nghị định số 174/2025/NĐ-CP ngày 30/6/2025 của Chính phủ quy định chính sách giảm thuế giá trị gia tăng theo Nghị quyết số 204/2025/QH15 ngày 17 tháng 6 năm 2025 của Quốc Hội;

Căn cứ Thông tư số 11/2021/TT-BXD ngày 31/8/2021 của Bộ Xây dựng về việc hướng dẫn một số nội dung xác định và quản lý chi phí đầu tư xây dựng;

Căn cứ Thông tư số 12/2021/TT-BXD ngày 31/8/2021 của Bộ xây dựng ban hành định mức xây dựng;

Căn cứ Thông tư số 08/2025/TT-BXD ngày 30/5/2025 của Bộ Xây dựng Sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 12/2021/TT-BXD ngày 31/8/2021;

Căn cứ Thông tư số 13/2021/TT-BXD ngày 31/8/2021 của Bộ Xây dựng về việc Hướng dẫn phương pháp xác định các chỉ tiêu kinh tế kỹ thuật và đo bóc khối lượng xây dựng công trình;

Căn cứ Thông tư số 01/2025/TT-BXD ngày 22/01/2025 của Bộ Xây dựng Sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 13/2021/TT-BXD ngày 31 tháng 8 năm 2021 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng hướng dẫn phương pháp xác định các chỉ tiêu kinh tế kỹ thuật và đo bóc khối lượng công trình, Thông tư số 11/2021/TT-BXD ngày 31 tháng 8 năm 2021 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng hướng dẫn một số nội dung xác định và quản lý chi phí đầu tư xây dựng đã được sửa đổi, bổ sung một số điều tại Thông tư số 14/2023/TT-BXD ngày 29 tháng 12 năm 2023 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng;

Căn cứ Thông tư số 60/2025/TT-BXD ngày 30/12/2025 của Bộ Xây dựng Sửa đổi, bổ sung một số nội dung các Thông tư số 11/2021/TT-BXD ngày 31 tháng 8 năm 2021 của Bộ trưởng Bộ xây dựng hướng dẫn một số nội dung xác định và quản lý chi phí đầu tư xây dựng; Thông tư số 12/2021/TT-BXD ngày 31 tháng 8 năm 2021 của Bộ trưởng Bộ xây dựng ban hành định mức xây dựng; Thông tư số 13/2021/TT-BXD ngày 31 tháng 8 năm 2021 của Bộ trưởng Bộ xây dựng hướng dẫn phương pháp xác định các chỉ tiêu kinh tế kỹ thuật và đo bóc khối lượng công trình và Thông tư số 14/2021/TT-BXD ngày 08 tháng 9 năm 2021 của Bộ trưởng Bộ xây dựng hướng dẫn xác định chi phí bảo trì công trình xây dựng;

Căn cứ Quyết định 512/QĐ-SXD ngày 06/6/2025 của Sở Xây dựng tỉnh Long An về việc công bố đơn giá nhân công xây dựng, đơn giá nhân công tư vấn xây dựng, bảng giá ca máy và thiết bị thi công xây dựng trên địa bàn tỉnh Long An năm 2025;

Căn cứ Quyết định số 43/2026/QĐ-UBND ngày 24/3/2026 của UBND tỉnh Tây Ninh Ban hành Quy định về phân cấp, phân công trách nhiệm quản lý và thực hiện dự án đầu tư công, dự án đầu tư xây dựng công trình, quản lý chất lượng công trình xây dựng trên địa bàn tỉnh Tây Ninhh;

Căn cứ công văn số 3564/UBND-KTTC ngày 28/8/2025 của UBND tỉnh Tây Ninh Về việc thẩm quyền thẩm định dự toán nhiệm vụ chuẩn bị đầu tư, chủ trương đầu tư và thẩm quyền thẩm định, tổng hợp trình duyệt các dự án đầu tư trên địa bàn tỉnh Tây Ninh;

Căn cứ Quyết định số 4439/QĐ-UBND ngày 10/11/2025 của UBND xã Cần Giuộc về Chủ trương đầu tư Dự án Cầu Rạch Dừa;

Theo đề nghị của Phòng Kinh tế tại Tờ trình số 1358/TTr-PKT ngày 10/4/2026 về việc phê duyệt Báo cáo nghiên cứu khả thi đầu tư xây dựng dự án Cầu Rạch Dừa.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt dự án Cầu Rạch Dừa, với nội dung như sau:

1. Tên dự án: Cầu Rạch Dừa.

2. Mã số thông tin dự án (theo quy định của Chính phủ về Cơ sở dữ liệu quốc gia về hoạt động xây dựng): 8175184.

3. Địa điểm xây dựng: xã Cần Giuộc, tỉnh Tây Ninh.

4. Người quyết định đầu tư: Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã Cần Giuộc.

5. Chủ đầu tư: Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng xã Cần Giuộc.

6. Tổ chức tư vấn lập Báo cáo nghiên cứu khả thi đầu tư xây dựng, tổ chức lập khảo sát xây dựng (nếu có); tổ chức tư vấn lập thiết kế cơ sở:

- Nhà thầu lập báo cáo nghiên cứu khả thi: Công ty Cổ phần Thiết kế và Xây dựng Công trình Trường Sinh.

- Nhà thầu khảo sát: Công ty TNHH Thiết kế Xây dựng Thương mại DATRACO.

- Nhà thầu thẩm tra: Công ty Cổ phần tư vấn xây dựng Tam Kiệt.

7. Loại, nhóm dự án; loại, cấp công trình chính[1]; thời hạn sử dụng theo thiết kế của công trình chính:

- Nhóm dự án: Nhóm C.

- Loại và cấp công trình: Công trình giao thông, cấp III - thông tư 06/2021/TT-BXD.

+ Phần đường: công trình giao thông đường ô tô, cấp III.

+ Phần cầu: công trình giao thông cầu, cấp III.

- Thời hạn sử dụng của công trình chính theo thiết kế: 100 năm (TCVN 11823-1:2017).

8. Mục tiêu xây dựng: Đầu tư xây dựng cầu Rạch Dừa sẽ góp phần phát triển giao thông của xã nói riêng và tỉnh nói chung; đảm bảo việc kết nối giao thông đường bộ trên địa bàn xã; tăng cường giao thương, vận chuyển, trao đổi hàng hóa giữa các vùng; tạo điều kiện để xã phát triển, nâng cao đời sống nhân dân, góp phần phát triển kinh tế - xã hội, quốc phòng - an ninh của xã Cần Giuộc hiện nay và tương lai.

9. Quy mô đầu tư xây dựng:

9.1. Quy mô đầu tư xây dựng:

a. Phần cầu:

- Tải trọng thiết kế: hoạt tải HL93 theo tiêu chuẩn TCVN 11823:2017.

- Tĩnh không thông thuyền: đảm bảo tĩnh không thông thuyền BxH(m) = 30x6m, phù hợp với sông cấp IV theo tiêu chuẩn phân cấp đường thủy nội địa.

- Quy mô mặt cắt ngang phần cầu:

+ Phần xe chạy: 2 x 3,5m = 7,0m.

+ Gờ lan can: 2 x 0,5m = 1,0m.

+ Tổng cộng: 8,0m.

- Sơ đồ nhịp: 5 nhịp giản đơn 24,54m + 29m + 42m + 29m + 24,54m. Tổng chiều dài cầu 150,18m (tính đến mép sau của 2 tường đỉnh mố). Kết cấu nhịp sử dụng dầm I 24,54m và dầm super "T" sản xuất tại nhà máy, kết cấu móng sử dụng móng cọc khoan nhồi đường kính D1000 đối với nhịp thông thuyền, móng cọc ống DƯL đối với nhịp biên.

b. Phần tuyến:

- Cấp đường: cấp IV, vận tốc thiết kế V = 30km/h.

- Quy mô mặt cắt ngang:

Đường dẫn vào cầu phía mố M1:

- Đường dẫn vào cầu phía mố M1:

+ Phần xe chạy: 2 x 3,50 = 7,0m.

+ Gờ lan can: 2 x 0,50 = 1,0m.

+ Tổng cộng: 8,0m.

- Đường dẫn vào cầu phía mố M2:

+ Phần xe chạy: 2 x 3,50 = 7,0m.

+ Phần mở rộng trong đường cong: 2 x 1,25 = 2,50m.

+ Gờ lan can: 2 x 0,50 = 1,0m.

+ Tổng cộng: 10,50m.

- Đường cặp hông bên mố:

+ Phần xe chạy: 2,0m.

+ Bó vỉa: 0,50m.

+ Tổng cộng: 2,50m.

- Tải trọng trục xe: 10 tấn.

- Kết cấu áo đường: Mặt đường bê tông nhựa, mô đun đàn hồi yêu cầu Eyc ≥ 130Mpa đối với đường chính; đường gom dân sinh mặt đường bê tông xi măng.

- Sàn giảm tải tường chắn đầu cầu: Chiều dài tường chắn phía mố M1&M2 là 100m. Trong đó 80m sau mố sử dụng móng cọc xi măng đất D800, riêng đoạn cuối 20m cuối móng tường chắn gia cố bằng cừ tràm mật độ 25 cây/1m^2, cừ tràm có đường kính ngọn tối thiểu 3,8cm, chiều dài L = 4,5m.

- Chiếu sáng, thoát nước: Bố trí đầy đủ trong phạm vi dự án.

9.2. Thiết kế công trình cầu:

a. Kết cấu nhịp:

- Cầu gồm 3 nhịp giản đơn 24,54m + 29m + 42m + 29m + 24,54m. Tổng chiều dài cầu 150,18m (tính đến mép sau của 2 tường đỉnh mố).

- Mặt cắt ngang nhịp thông thuyền gồm 4 dầm super T, có chiều dài 38,2m, chiều cao dầm H = 1,75m, đặt cách nhau 2,0m.

- Mặt cắt ngang nhịp kế nhịp giữa cầu gồm 4 dầm super T, có chiều dài 27,1m, chiều cao dầm H = 1,75m, đặt cách nhau 2,0m.

- Mặt cắt ngang nhịp biên gồm 5 dầm BTCT ứng suất trước, đúc sẵn mặt cắt dạng chữ "I", chiều dài 24,54m, chiều cao H = 1,143m, đặt cách nhau 1,65m. Riêng nhịp biên phía mố M2, vuốt nối với phần mở rộng trong đường cong, nhịp dầm bố trí 7 dầm BTCT ứng suất trước, dài 24,54m đặt cách nhau 1,2~1,6m.

- Bản mặt cầu bằng BTCT C30, đổ tại chỗ tối thiểu dày 18cm. Bản mặt cầu tại vị trí trụ T1, T2, T3, T4 mặt cầu được bố trí bản liên tục nhiệt.

- Lớp phủ mặt cầu gồm:

+ Lớp bê tông nhựa chặt C16 dày 7,0cm.

+ Lớp nhựa dính bám 0,5kg/m^2.

+ Lớp phòng nước dạng dung dịch phun trên bề mặt.

b. Kết cấu phần dưới:

- Mố cầu bằng BTCT đổ tại chỗ, mố M1 dạng kết cấu mố chữ U, mố M2

dạng kết cấu mố chui. Mố cầu đặt trên hệ cọc ống DƯL kích thước D60cm.

- Trụ T1& T4 cầu trên cạn, kết cấu trụ dạng thân cột BTCT, xà mũ BTCT. Móng trụ cầu đặt trên hệ cọc khoan nhồi kích thước D100cm.

- Trụ T2& T3 cầu dưới nước, kết cấu trụ dạng thân cột BTCT, xà mũ BTCT. Móng trụ cầu đặt trên hệ cọc khoan nhồi kích thước D100cm.

- Trên xà mũ mố, trụ bố trí ụ và chốt chống chuyển vị ngang. Thanh chốt được chôn vào ụ và dầm ngang, hộp chốt được bố trí trên dầm ngang.

- Thống kê số liệu cọc mố, trụ như sau:

STT	Vị trí	Số lượng cọc (cọc)	Đường kính cọc	Loại cọc	Chiều dài dự kiến (m)
1	M1	14	D60cm	Cọc ống DƯL	43,00
2	T1	4	D100cm	Cọc Khoan nhồi	47,00
3	T2	7	D100cm	Cọc Khoan nhồi	46,00
4	T3	7	D100cm	Cọc Khoan nhồi	46,00
5	T4	4	D100cm	Cọc Khoan nhồi	47,00
6	M2	21	D60cm	Cọc ống DƯL	42,00

- Gia cố mái taluy: Vị trí mố M2 một phần lấn sát sông, được xử lý bằng giải pháp thảm rọ đá 0,5x0,5x1,0m được gia cố trên nền cừ tràm, mái taluy được gia cố bằng lớp bê tông xi măng C10 dày 15cm.

- Các chi tiết khác.

- Gối cầu: Dùng gối cao su cốt bản thép đối với nhịp dầm "I" 24,54m, sử dụng gối chậu đối với nhịp dầm super "T".

- Khe co giãn: Sử dụng khe co giãn dạng răng lược.

- Bệ lan can bằng bê tông cốt thép đổ tại chỗ.

- Lan can dùng thép mạ kẽm.

- Thoát nước mặt cầu: thu nước dẫn theo ống thoát về vị trí mố trụ với các cầu trong khu đông dân cư và thoát trực tiếp xuống sông thông qua các cửa thu nước bố trí dọc mép trong của lan can đối với các cầu với các cầu còn lại.

- Bố trí các bệ đỡ trụ đèn chiếu sáng trên cầu bằng BTCT.

b. Thiết kế sàn giảm tải đường đầu cầu:

- Để hạn chế phạm vi Giải phóng mặt bằng, tại các vị trí đường đầu cầu, bố trí tường chắn sàn giảm tải tại các vị trí tiếp giáp với đường dân sinh cặp hông cầu. Giải pháp cụ thể như sau:

+ Chiều dài tường chắn phía mố M1&M2 là 100m. Trong đó 80m sau mố sử dụng móng cọc xi măng đất D800, riêng đoạn cuối 20m cuối móng tường chắn gia cố bằng cừ tràm mật độ 25 cây/1m^2, cừ tràm có đường kính ngọn tối thiểu 3,8cm, chiều dài L = 4,5m.

+ Kết cấu sàn giảm tải dạng chữ "U", tường chắn dạng chữ "L" bằng BTCT C30 đổ tại chỗ, có chiều dày thành từ 30-50cm.

c. Thiết kế hướng tuyến:

- Hướng tuyến tuân thủ theo hướng tuyến quy hoạch của đường ĐT.826C

được phê duyệt tại quyết định số 686/QĐ-TTg ngày 13 tháng 6 năm 2023 của Thủ tướng chính phủ. Cụ thể:

+ Điểm đầu dự án : Kết nối với đường ĐT.826C, phía bắc sông Rạch Dừa (Khu công nghiệp Long Hậu).

+ Điểm cuối dự án : Kết nối lại với đường ĐT.826C (cách mép kênh 167m).

+ Phạm vi đầu tư dài 458,75m trong đó có cầu Rạch Dừa dài 150,18m.

- Trên tuyến chỉ có 2 vị trí bố trí đường cong nằm R = 55m, góc ngoặt 79°00’02’’ và đường cong nằm R = 80m, góc ngoặt 48°05’05’’ (vuốt nối vào tuyến đường tỉnh ĐT.826C hiện hữu tại cuối tuyến).

9.3. Thiết kế mặt cắt ngang:

- Đường dẫn vào cầu phía mố M1:

+ Phần xe chạy: 2 x 3,50 = 7,0m.

+ Gờ lan can: 2 x 0,50 = 1,0m.

+ Tổng cộng: 8,0m.

- Đường dẫn vào cầu phía mố M2 (đường đầu cầu nằm trong đường cong bán kính R = 55m có độ mở rộng đường xe chạy B = 2,5m - Theo tiêu chuẩn thiết kế đường ô tô TCVN:4054-2005, mục 5.4.3, bảng 12):

+ Phần xe chạy: 2 x 3,50 = 7,0m.

+ Phần mở rộng trong đường cong: 2 x 1,25 = 2,50m.

+ Gờ lan can: 2 x 0,50 = 1,0m.

+ Tổng cộng: 10,50m.

- Đường cặp hông bên mố:

+ Phần xe chạy: 2,0m.

+ Bó vỉa: 0,50m.

+ Tổng cộng: 2,50m.

- Các yếu tố trên mặt cắt ngang: Độ dốc ngang mặt đường: 2%.

9.4. Thiết kế nền đường:

a. Thiết kế nền đường thông thường:

- Phần nền đường bao gồm các thành phần như sau:

+ Trong phạm vi chiều dày 50cm kể từ đáy kết cấu áo đường, được đầm nén đảm bảo độ chặt K ≥ 0,98. Vật liệu dùng để đắp lớp này là cát đắp.

+ Bên dưới chiều dày lớp cát K ≥ 0,98 nền đường đắp bằng cát đảm bảo độ chặt K ≥ 0,95.

+ Đối với nền đắp: Được xác định từ phạm vi từ đáy lớp K ≥ 0,98 tới đường đào (sau khi bóc đất không thích hợp).

+ Đối với nền đắp thấp hoặc không đào không đắp: Được xác định từ phạm vi từ đáy lớp K ≥ 0,98 xuống 30cm.

- Phần lề và nền dưới lề: Được đắp bằng đất chọn lọc lu lèn đạt K ≥ 0,90. Đối với đoạn đắp cao nền đắp cát được bao đất dính dày tối thiểu 1,0m.

- Độ dốc mái taluy nền đường được thiết kế đảm bảo an toàn, thuận tiện

cho xe chạy, đáp ứng yêu cầu về mỹ quan, đồng thời đảm bảo yêu cầu về ổn định nền đường tùy theo từng loại vật liệu đắp. Theo tiêu chuẩn thiết kế đường ôtô TCVN 4054-2005, đối với nền đường đắp bằng cát thì độ dốc mái taluy là 1:1,5.

b. Thiết kế mặt đường:

- Kết cấu áo đường chính: Mặt đường Bê tông nhựa đảm bảo Eyc ≥ 130Mpa. Chi tiết kết cấu mặt đường như sau:

+ Lớp bê tông nhựa C16: dày 6,0cm.

+ Nhựa dính bám tiêu chuẩn: 0,5 kg/m^2.

+ Lớp bê tông nhựa C19: dày 6,0cm.

+ Nhựa thấm thấm bám tiêu chuẩn: 1,0 kg/m^2.

+ Cấp phối đá dăm loại 1, Dmax = 25mm: dày 15cm.

+ Cấp phối đá dăm loại 2 , Dmax = 37,5mm: dày 15cm.

+ Lớp đá mi, K > 1: dày 50cm.

- Kết cấu đường dân sinh: Mặt đường bê tông xi măng. Chi tiết kết cấu mặt đường như sau:

+ Lớp bê tông xi măng C20: dày 16cm.

+ Lớp nilong phân cách.

+ Cấp phối đá dăm loại 2, Dmax = 37,5mm: dày 12cm.

c. Thiết kế công trình thoát nước:

- Hệ thống thoát nước dọc được bố trí dưới lòng đường dân sinh.

- Kết cấu thoát nước dọc bằng cống tròn ly tâm có đường kính D800mm, thu nước trực tiếp mặt đường thông qua các hố ga đặt cách nhau 15-35m, và dẫn về phía cửa xả thoát ra sông Rạch Dừa. Các hố ga và cửa xả bằng BTCT C20 đặt trên nền móng cọc cừ tràm L = 4,5m, đường kính gốc 8-10cm, mật độ 25 cây/m^2.

9.5. Thiết kế hệ thống chiếu sáng:

a. Chiếu sáng đường chính:

- Bố trí trụ đèn chiếu sáng so le hai bên tuyến đường.

- Trụ chiếu sáng: Sử dụng trụ thép cao 9,0m (gồm trụ cao 7m + cần đèn cao 2m, vươn 1,5m).

- Đèn: sử dụng đèn đường phố LED 80W.

- Khoảng cách trung bình giữa các trụ đèn chiếu sáng mỗi bên là 40m.

- Cáp điện chiếu sáng được kéo ngầm trong ống nhựa xoắn HDPE dọc tuyến đường.

b. Chiếu sáng đường dân sinh hai bên cầu:

- Sử dụng chung trụ đèn chiếu sáng trên tuyến chính và lắp bổ sung cần đèn phụ để chiếu sáng đường dân sinh.

- Đèn: sử dụng đèn đường phố LED 40W.

c. Chiếu sáng trên cầu:

- Bố trí các trụ đèn chiếu sáng hai bên trên lan can cầu.

- Trụ đèn: sử dụng trụ thép mạ kẽm hình cong cao 10m.

- Đèn chiếu sáng: Sử dụng đèn LED 120W.

- Khoảng cách bố trí trung bình giữa các trụ đèn 30m.

- Cáp ngầm cấp nguồn kéo dọc theo tuyến đường.

9.6. Thiết kế an toàn giao thông: Xây dựng hoàn chỉnh hệ thống an toàn giao thông và công trình phòng hộ tuân thủ Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về báo hiệu đường bộ QCVN: 41/2024.

- Cọc tiêu, hộ lan, tôn lượn sóng, hệ thống biển báo hiệu bố trí tuân thủ Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về báo hiệu đường bộ QCVN: 41/2024.

- Cột Km, cọc H: Trồng bên phải tuyến tại các vị trí Km và cọc H (tận dụng trụ hiện hữu, thay thế nếu bị hư hỏng).

- Sơn kẻ đường được bố trí Sơn kẻ đường được bố trí theo tốc độ thiết kế. Các vạch sơn chính: Vạch sơn phân làn, phân chia các làn xe cùng chiều, ngược chiều và ngoài làn xe (phân cách giữa mặt đường và lề đường); Vạch sơn người đi bộ: bố trí ở các giao lộ, khu vực đông người qua lại; Vạch giảm tốc dày 6mm, mỗi vạch rộng 20cm.

- Tôn sóng: bố trí tại các đoạn đường đầu cầu, các đoạn đi sát kênh…

- Các biển chỉ hướng đi, biển báo địa danh hành chính…

10. Bản vẽ thiết kế cơ sở được đóng dấu xác nhận kèm theo Quyết định này.

11. Số bước thiết kế, danh mục tiêu chuẩn chủ yếu được lựa chọn:

- Số bước thiết kế: 02 bước.

- Danh mục tiêu chuẩn chủ yếu được lựa chọn:

+ Quy chuẩn quốc gia về số liệu điều kiện tự nhiên dùng trong XD QCVN 02:2022/BXD.

+ Thiết kế đường ô tô - Yêu cầu thiết kế TCVN 4054:2005.

+ Đường đô thị - Yêu cầu thiết kế TCVN 13592:2022.

+ Áo đường mềm - Các yêu cầu và chỉ dẫn thiết kế TCCS 38:2022/TCĐBVN.

+ Đường giao thông nông thôn - Tiêu chuẩn thiết kế TCVN 10380:2014.

+ Tiêu chuẩn thiết kế, thi công và nghiệm thu vải địa kỹ thuật trong xây dựng nền đắp trên đất yếu TCVN 9844:2013.

+ Tiêu chuẩn thiết kế cầu đường bộ TCVN 11823-2017.

+ Tải trọng và tác động - Tiêu chuẩn thiết kế TCVN 2737:1995.

+ Thiết kế công trình chịu động đất TCVN 9386:2012.

+ Gối cầu cao su cốt bản thép AASHTO M251-06, AASHTO D4014-03, 22 TCN 217-94.

+ Cống tròn bêtông cốt thép lắp ghép – Yêu cầu kỹ thuật (tham khảo) 22 TCN 159-96.

+ Tiêu chuẩn ống BTCT thoát nước TCVN 9113-2012.

+ Cống hộp bê tông cốt thép TCVN 9116-2012.

+ Kết cấu bê tông và bê tông cốt thép – Tiêu chuẩn thiết kế TCVN 5574:2012.

+ Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về Báo hiệu đường bộ QCVN41: 2024/BGTVT.

+ Thoát nước - Mạng lưới và công trình bên ngoài - yêu cầu thiết kế TCVN 7957:2023.

+ Tiêu chuẩn thiết kế chiếu sáng nhân tạo đường, đường phố, quảng trường đô thị (tham khảo) TCXDVN 259:2001.

+ Quy hoạch cây xanh sử dụng công cộng trong các đô thị - Tiêu chuẩn thiết kế TCVN 9257:2012.

+ Phân cấp đường thủy nội địa TCVN 5664-2009.

+ Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về báo hiệu đường thủy nội địa Việt Nam QCVN 39:2020/BGTVT.

+ Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia các công trình hạ tầng kỹ thuật đô thị QCVN 07:2023/BXD.

+ Màng phản quang dùng cho báo hiệu đường bộ TCVN 7887:2018.

+ Cùng các tiêu chuẩn, quy phạm hiện hành khác…

12. Tổng mức đầu tư xây dựng: 85.000.000.000 đồng (Số tiền bằng chữ: *Tám mươi lăm tỷ đồng*). Trong đó:

- Chi phí di dời hạ tầng kỹ thuật: 300.000.000 đồng;
- Chi phí xây dựng sau thuế: 71.392.702.876 đồng;
- Chi phí quản lý dự án: 1.386.770.802 đồng;
- Chi phí tư vấn: 4.428.792.583 đồng;
- Chi phí khác: 2.394.131.005 đồng;
- Chi phí dự phòng: 5.097.602.734 đồng.

13. Tiến độ thực hiện dự án: Năm 2026-2028.

14. Nguồn vốn đầu tư và dự kiến bố trí kế hoạch vốn theo tiến độ thực hiện dự án:

- Nguồn vốn đầu tư: Vốn ngân sách xã.

- Dự kiến bố trí kế hoạch vốn theo tiến độ thực hiện dự án: Theo Quyết định số 458/QĐ-UBND ngày 30/01/2026 của UBND xã Cần Giuộc Về việc điều chỉnh, bổ sung kế hoạch đầu tư công năm 2026.

15. Hình thức tổ chức quản lý dự án được áp dụng: Chủ đầu tư thực hiện Quản lý dự án.

16. Yêu cầu về nguồn lực, khai thác sử dụng tài nguyên (nếu có); phương án bồi thường, hỗ trợ, tái định cư (nếu có): không.

17. Các nội dung khác (nếu có): không.

Điều 2. Giao trách nhiệm cho Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng xã Cần Giuộc chủ trì phối hợp với các đơn vị liên quan tổ chức triển khai thực hiện dự án theo quy định hiện hành của Nhà nước về quản lý đầu tư xây dựng.

Tổng mức đầu tư được duyệt là giới hạn tối đa cho phép để Chủ đầu tư lựa chọn phương án thực hiện công trình.

Điều 3. Chánh Văn phòng HĐND và UBND xã, Trưởng phòng Kinh tế, Phó Giám đốc phụ trách Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng và Thủ trưởng các đơn vị chức năng có liên quan thi hành quyết định này./.

***Nơi nhận*:**
- CT, các PCT UBND xã;
- Như Điều 3;
- CVP, các PCVP;
- NCUB;
- Lưu: VT.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH

Nguyễn Ngọc Anh